

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HS-ST

Ngày: 19-7-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Trần Đức Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2012/QĐST-HS ngày 21/6/2021 đối với bị cáo:

ĐẶNG KIỀU T, Sinh ngày: 05/02/1990; Nơi cư trú: Số 4/28 đường D, Phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Hùng T1 và bà V Thị H.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/11/2020, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Ông Nguyễn Hồng V - Sinh năm: 1991. Địa chỉ: 100/01/04 đường B, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Hồng T2 - Sinh năm 1994. Nơi cư trú: Khu phố 2A, xã Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Nam (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Phạm Thị Kim T3 - Sinh năm: 1979. Nơi cư trú: Số 80 đường G, phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị L- Sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ 31 phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

- Ông Ngô X - Sinh năm: 1964. Nơi cư trú: Tổ 54 phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

- Ông Lê Thành V1 - Sinh năm: 1977. Nơi cư trú: Tổ 38 Khối C, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (Vắng mặt).

- Ông Hồ Văn H1 - Sinh năm 1965. Nơi cư trú: Xã D, huyện P, tỉnh Quảng Nam (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn T4 - Sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Tổ 11 thôn L, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Nam (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 02/2020, ông Nguyễn Hồng V và Đặng Kiều T quen biết và làm việc chung với nhau. T tự nhận đang làm việc ở Đại sứ quán Mỹ tại Thành phố Hồ Chí Minh và bản thân có nhiều mối quan hệ với các cơ quan nhà nước. Do đó, ông Nguyễn Hồng V đã nhờ T xin cho em của mình là ông Nguyễn Hồng T2 được vào biên chế giáo viên tại trường THCS Lê Thánh Tông thuộc thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Vì muốn chiếm đoạt tài sản của ông V nên T hứa hẹn sẽ đảm bảo để ông T2 được vào biên chế nhà nước với chi phí là 37.000.000 đồng. Tin lời T nói, ông V đã đưa tiền cho T nhiều lần, cụ thể như sau:

- Vào ngày 27/02/2020, ông V đã chuyển khoản trước số tiền 10.500.000 đồng để đặt cọc cho T.

- Tháng 4/2020, để ông V tin tưởng tiếp tục giao tiền cho mình, T nói ông V cùng đi đến trường THPT Lê Thánh Tông. Tuy nhiên, trước khi vào trường, T nói dối cần tiền để gửi gắm cho ông Lê Thành V1, là hiệu trưởng của trường, V tin là thật nên đưa 02 tờ đô la Mỹ có mệnh giá 100 USD (200 USD) cho T. Sau khi nhận tiền, T chỉ vào gặp ông V1 hỏi quy trình xin việc, mà không đưa tiền, T chiếm đoạt luôn 200 USD. T nói với V việc liên hệ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam để xin việc cho T2.

- Ngày 18/5/2020, T đi cùng ông V đến Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam. T nói V đứng ngoài đợi và đi vào gặp ông Hồ Văn H1, là Phó chánh văn phòng, hỏi về thủ tục vào biên chế ngành giáo dục thì được ông H1 hướng dẫn thi tuyển viên chức. Khi đi ra, T nói dối ông V là đã gửi gắm trường hợp của ông T2 cho thầy H1 và đang đợi xem xét rồi quay lại Thành phố Hồ Chí Minh. Một tuần sau, T bịa ra việc có người phụ nữ tên Hoa công tác tại Sở giáo dục đào tạo tỉnh Quảng Nam vào Thành phố Hồ Chí Minh chơi, T nói V là T gửi bà Hoa tiền lì xì 1.000.000 đồng (tên bà Hoa là do T tự nghĩ ra). Ông V tưởng thật nên chuyển cho T số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, từ tháng 5/2020

đến tháng 6/2020, T yêu cầu ông V chuyển thêm tiền để lo hồ sơ cho T2 thì V đồng ý và chuyển khoản cho T, cụ thể:

- Ngày 14/5/2020: chuyển số tiền 5.000.000 đồng.
- Ngày 22/5/2020: chuyển số tiền 5.000.000 đồng.
- Ngày 03/6/2020: chuyển số tiền 2.500.000 đồng.

Để tạo lòng tin và để ông V tin tưởng tiếp tục giao tiền cho mình, giữa tháng 6/2020, T đã tự mình làm giả 01 Quyết định bổ nhiệm giảng viên về trường giảng dạy có chữ ký và con dấu của ông Hà Văn Q - Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam rồi đưa cho ông V xem. Tuy nhiên, V thấy hình thức văn bản không đúng với quy định nên hỏi T “Sao em thấy nó kì kì?”, thì T nói với V cùng đi đến trường THPT Lê Thánh Tông hỏi thầy V1. Khi vào trường T không đưa Quyết định này cho ai mà đã vứt đi, khi quay ra thì T nói dối V đã gửi lại Quyết định cho thầy V1, thầy sẽ xem lại và liên hệ Sở Giáo dục và Đào tạo để chỉnh sửa. Sau đó, T nhiều lần viện các lý do khác nhau để ông V tin tưởng giao tiền cho mình, cụ thể: Vào ngày 14/7/2020: V chuyển khoản cho T 500.000 đồng để đăng ký hồ sơ cho T2. V đưa cho T số tiền mặt: 1 lần là 5.000.000 đồng tại trước UBND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, 1 lần là 4.000.000 đồng tại trước phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Ngày 07/9/2020: V chuyển khoản cho T số tiền 1.400.000 đồng.

Như vậy, bằng thủ đoạn nhận xin việc cho ông T2, Đặng Kiều T đã chiếm đoạt của ông V số tiền 34.900.000 đồng và 02 tờ đô la Mỹ có mệnh giá 100 USD với trị giá 4.660.000 đồng. Toàn bộ số tiền có được, T tiêu xài cá nhân hết.

Cùng thời gian trên và với thủ đoạn tương tự, T hứa hẹn sẽ giúp ông Nguyễn Hồng V làm thủ tục chuyển công tác cho bà Phạm Thị Kim T3 (là cô vợ của V) đang công tác tại trường THCS Trần Phú thuộc huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam được về giảng dạy tại trường THCS Trần Quý Cáp, thuộc phường K, quận C với chi phí là 37.000.000 đồng. Lấy lý do giải quyết hồ sơ, T nhiều lần chiếm đoạt tiền của ông V như sau:

- Ngày 11/5/2020, theo yêu cầu của T, ông V chuyển khoản đặt cọc số tiền 10.000.000 đồng.

- Ngày 18/5/2020, T cùng V đi đến Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam để nộp hồ sơ cho bà T3, đến nơi T nói V đưa tiền để vào liên hệ làm việc thì V đưa cho T số tiền mặt 20.000.000 đồng. T nói V đứng ngoài đợi và đi vào trong một mình, T gặp thầy H1 và được thầy H1 hướng dẫn quy trình xin chuyển công tác theo quy định, bản thân T không đề cập gì đến chuyện gửi gắm hồ sơ hay tặng quà, gửi tiền cho thầy H1. Sau đó, T quay trở ra nói với dối V là đã nộp hồ sơ và gửi gắm trường hợp bà T3 cho ông Hà Thanh Q (Giám đốc Sở) và thầy H1. Sau đó, cũng thủ đoạn như vậy T đã chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng của V với lý do chung chi cho ông Ngô X, hiệu trưởng trường Trần Quý Cáp; chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của V với lý do chung chi cho bà Lê Thị Bích T5, là Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo thành phố Đà Nẵng.

- Sau nhiều lần bị ông V hỏi thúc thì đến giữa tháng 6/2020, T làm giả 02 Quyết định luân chuyển giảng viên đối với bà Phạm Thị Kim T3, có chữ ký và con dấu đỏ của bà Lê Thị Bích T5 - Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo thành phố Đà Nẵng. T nói với V đã có Quyết định của bà T3 và quyết định được cô Thuận gửi cho thầy Xe. T đi cùng V đến trường THCS Trần Quý Cáp, T đi vào trong và quay ra đưa cho V xem Quyết định đã làm giả (mục đích là để V tin T nhận Quyết định từ thầy Xe). Sau đó T nói V đi nộp quyết định nêu trên tại Phòng Nội vụ quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Khi đến nơi, T nói V ở ngoài đợi, T vào một mình nhưng không nộp Quyết định mà hỏi về quy trình chuyển công tác. T để lại một bộ hồ sơ của bà T3 để khi có chỉ tiêu sẽ được thông báo rồi quay ra nói với V là đã nộp Quyết định của bà T3 (T nói gấp và gửi Quyết định cho bà Nhung Phòng Nội vụ nhưng thực tế tên người này do T tự nghĩ ra). Tiếp đó, T cùng ông V đến UBND huyện Đại Lộc làm thủ tục rút hồ sơ cho bà T3, lấy lý do cần tiền chung chi cho cán bộ làm thủ tục, T tiếp tục 02 lần chiếm đoạt tiền của ông V (mỗi lần 5.000.000 đồng) với tổng số tiền 10.000.000 đồng.

- Đến tháng 8/2020, T tiếp tục nói V cần thêm tiền để lo lót cho bà Nhung ở Phòng Nội vụ quận Cẩm Lệ để tiếp tục chiếm đoạt tiền của V: lần 1 là số tiền 20.000.000 đồng, lần 2 là số tiền 5.000.000 đồng đều tại trước UBND quận Cẩm Lệ. Tiếp đó, T yêu cầu ông V chuyển khoản cho mình, lần lượt vào ngày 26/8/2020: 1.000.000 đồng, ngày 10/9/2020: 1.000.000 đồng, ngày 12/9/2020: 5.000.000 đồng (số tiền này T nói V gửi để mua mỹ phẩm gửi bà Nhung); ngày 15/9/2020: 1.000.000 đồng, ngày 26/9/2020: 5.000.000 đồng.

- Cuối tháng 9/2020, T tiếp tục làm giả 01 Quyết định tiếp nhận viên chức đối với bà Phạm Thị Kim T3, có chữ ký và con dấu đỏ của ông Lê Văn S - Chủ tịch UBND quận Cẩm Lệ. Sau khi đưa văn bản giả này cho ông V xem rồi nói V đi nộp Quyết định ở Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam. Trên đường đi, V đã ghé vào Văn phòng Công chứng Thăng Bình, Quảng Nam để chứng thực văn bản rồi đưa Quyết định lại cho T. Khi đến Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam, T giả vờ vào Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam để nộp nhưng thực chất mang vứt bỏ. Trên đường về, T yêu cầu ông V trả tiền công, ông V tin là đã được việc nên tiếp tục chuyển khoản cho T số tiền 10.000.000 đồng.

- Tháng 10 và 11/2020, lấy lý do cần tiền đưa cho ông Lý công tác tại Sở nội vụ tỉnh Quảng Nam, T chiếm đoạt của ông V 02 lần (mỗi lần 5.000.000 đồng) với tổng số tiền 10.000.000 đồng ngay trước trụ sở cơ quan.

Trong thời gian này, nhận thấy ông V có dấu hiệu nghi ngờ nên T làm giả 03 quyết định tiếp nhận viên chức của UBND quận Cẩm Lệ có con dấu và chữ ký ông Trần Anh Đ đối với bà Phạm Thị Kim T3 nhằm tiếp tục lừa dối ông V. V không thấy kết quả giải quyết từ T nên nghi ngờ T chiếm đoạt tiền của mình. V nói T đi ra Đà Nẵng để giải quyết các vấn đề cho xong thì T đồng ý và cầm theo quyết định giả nói trên đến Đà Nẵng vào ngày 16/11/2020 nhưng chưa đưa

cho V. Đến ngày 19/11/2020, V trình báo toàn bộ sự việc cho Công an thì cơ quan công an thu giữ quyết định trên.

Như vậy, bằng thủ đoạn xin chuyển công tác cho bà T3, T đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Hồng V số tiền 125.000.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân.

Vật chứng thu giữ:

- 03 Quyết định về việc tiếp nhận viên chức có chữ ký đóng dấu đỏ của ông Trần Anh Đ do Đặng Kiều T giao nộp.

- 01 bộ hồ sơ viên chức của bà Phạm Thị Kim T3 bên trong có 01 Quyết định v/v luân chuyển giảng viên về THCS Trần Quý Cáp có chữ ký con dấu đỏ bị chỉnh sửa của bà Lê Thị Bích T5.

- 01 bản sao đã chứng thực Quyết định tiếp nhận viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo ngoài thành phố về UBND quận Cẩm Lệ có chữ ký đóng dấu của ông Lê Văn S .

- 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV, 01 thẻ Căn cước công dân, 01 điện thoại di động Iphone SX max, Imei 1: 357263097236163, Imei 2: 357263097350733 của Đặng Kiều T.

- 01 túi mỹ phẩm ông Nguyễn Hồng V giao nộp, đây là đồ vật T để lại ngay trước Phòng nội vụ quận Cẩm Lệ khi nộp hồ sơ bà T3 được cán bộ ở đây thu giữ rồi chuyển trả cùng hồ sơ cho ông V.

Tại kết luận giám định số 05/GĐ-TL ngày 22/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng xác định: Chữ ký tên Lê Thị Bích T5 trên tài liệu cần giám định và tài liệu so sánh không phải do cùng một người ký ra. Hình dấu có nội dung “SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO” trên tài liệu cần giám định và tài liệu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra. Hình dấu có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN Q. CẨM LỆ T.P ĐÀ NẴNG” trên tài liệu cần giám định và tài liệu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra. Phòng Kỹ thuật hình sự không tiến hành giám định đối với mẫu chữ ký của ông Lê Văn S vì tài liệu giám định là bản sao và mẫu chữ ký của ông Trần Anh Đ vì mẫu giám định và mẫu so sánh không đồng dạng.

Theo Công văn số 3395/SGDDĐT-TCCB ngày 03/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng xác nhận: Quyết định về việc luân chuyển giảng viên về THCS Trần Quý Cáp không do Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng ban hành.

Theo Công văn số 1873/UBND-VP ngày 22/12/2020 của UBND quận Cẩm Lệ về việc cung cấp thông tin phục vụ công tác điều tra, UBND quận Cẩm Lệ xác nhận không ban hành 02 Quyết định số 57 và 71. Đồng thời, ông Trần Anh Đ không phải là Chủ tịch UBND quận Cẩm Lệ.

Từ những tình tiết nêu trên, tại Cáo trạng số 31/CT-VKSCL ngày 17/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đã truy tố bị cáo Đặng Kiều T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ thực hiện quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội là vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm a khoản 3 Điều 341, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T mức hình phạt từ 03 năm đến 04 năm về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 năm đến 04 năm về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Đề nghị HĐXX tổng hợp hình phạt đối với bị cáo T theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự.

- Về phần dân sự: Ngoài trị giá số tiền bị chiếm đoạt là 164.560.000 đồng, ông V yêu cầu Đặng Kiều T bồi thường thiệt hại về các khoản chi phí tiền vé máy bay, tiền thuê xe ô tô đi lại với tổng thiệt hại là 50.000.000 đồng. Hiện Đặng Kiều T đã tác động gia đình bồi thường số tiền 70.000.000 đồng và ngày 19/7/2021 đã bồi thường thêm số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại Đặng Kiều T chưa bồi thường. Đề nghị HĐXX chấp nhận.

- Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 thẻ ATM, 01 thẻ căn cước công dân của Đặng Kiều T, là tài liệu chứng cứ, đang được lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone SX max, Imei 1: 357263097236163, Imei 2: 357263097350733 của Đặng Kiều T đề nghị sung ngân sách nhà nước, 01 túi mỹ phẩm đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 thẻ hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị Ngọc Thúy mà T sử dụng để cung cấp thông tin cho ông V đặt vé máy bay. Hiện T đã làm mất không thu hồi được, Cơ quan điều tra đã có công văn yêu cầu Công an thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ xác minh nhưng đến nay chưa có kết quả nên Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ tiếp tục xác minh xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Kiều T quanh co, không thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 164.560.000 đồng của bị hại ông Nguyễn Hồng V và không thừa nhận việc làm giả 01 Quyết định bổ nhiệm giảng viên về trường giảng dạy có chữ ký và con dấu của ông Hà Văn Q - Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam, 02 Quyết định luân chuyển giảng viên đối với bà Phạm Thị Kim T3, có chữ ký và con dấu đỏ của bà Lê Thị Bích T5 - Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo thành phố Đà Nẵng; 01 Quyết định tiếp nhận viên chức đối với bà Phạm Thị Kim T3, có chữ ký và con dấu đỏ của ông Lê Văn S - Chủ tịch UBND quận Cẩm Lệ. Tuy nhiên, qua quá trình xét hỏi, bị cáo đã khai nhận hành vi như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ truy tố. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và nói lời sau cùng là bị cáo vô cùng ân hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cẩm Lệ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố, xét xử của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Kiều T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát, lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng thu hồi được cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện tại hồ sơ vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 02/2020 đến ngày 19/11/2020, trên địa bàn quận Cẩm Lệ và nhiều nơi khác nhau, lợi dụng danh nghĩa làm thủ tục chuyển công tác cho bà Phạm Thị Kim T3 và thủ tục xin vào biên chế ngành giáo dục cho ông Nguyễn Hồng T2, Đặng Kiều T đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối khác nhau như nói đang làm ở Đại sứ Quán Mỹ tại thành phố Hồ Chí Minh, có mối quan hệ thân thiết với nhiều lãnh đạo, có thể giúp đỡ trong nhiều việc và kết hợp với việc làm giả 07 tài liệu, con dấu của các cơ quan nhà nước với mục đích thực hiện nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Hồng V với tổng trị giá tài sản là 164.560.000 đồng. Do đó, hành vi này của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo T về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, có nhận thức pháp luật và xã hội nhất định. Bị cáo nhận thức rõ về hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền để sử dụng cho bản thân mà không bỏ công sức lao động chính đáng nên đã làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức và đưa ra những thông tin không có thật để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan

Nhà nước, của tổ chức, xâm phạm đến các lợi ích của Nhà nước, của tổ chức và công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, ảnh hưởng đến danh dự uy tín của cán bộ và cơ quan Nhà nước. Do đó, HĐXX xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và góp phần răn đe, đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến ngày 19/11/2020, trong nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Hồng V thì có 20 lần bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông V với số tiền mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và 4 lần làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức đều đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341, thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, HĐXX cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo. Tại phiên tòa, bị cáo quanh co không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên, qua quá trình xét hỏi, bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo. Do đó, HĐXX vẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Đồng thời, bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Hồng V là 164.560.000 đồng. Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường số tiền 70.000.000 đồng, số tiền còn lại 94.560.000 đồng, bị cáo T chưa bồi thường cho ông V. Đối với yêu cầu Đặng Kiều T bồi thường thiệt hại về các khoản chi phí tiền vé máy bay, tiền thuê xe ô tô đi lại với số tiền là 50.000.000 đồng. Quá trình truy tố và tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt còn lại 94.560.000 đồng và số tiền 50.000.000, nên HĐXX ghi nhận.

Vì vậy, căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Hồng V tổng số tiền 144.560.000 đồng. Ngày 19/7/2021, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thêm 30.000.000 đồng theo biên lai thu số 008254 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Do đó, cần buộc bị cáo T phải tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn Hồng V số tiền còn lại là 114.560.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng bị cáo Đặng Kiều T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 008254 ngày 19/7/2021 để đảm bảo thi hành án.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 thẻ hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị Ngọc Thúy mà T sử dụng để cung cấp thông tin cho ông V đặt vé máy bay. Hiện T đã làm mất không thu hồi được, Cơ quan điều tra đã có công văn yêu cầu Công an thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ xác minh nhưng đến nay chưa có kết quả nên Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ tiếp tục xác minh xử lý sau là có cơ sở, nên HĐXX không Xem xét.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone SX max, Imei 1: 357263097236163, Imei 2: 357263097350733 của Đặng Kiều T, là công cụ phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

- Đối 01 túi mỹ phẩm là vật chứng, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV của Đặng Kiều T là vật chứng, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 thẻ căn cước công dân của Đặng Kiều T, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo T.

[6] Tại phiên tòa, mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đề nghị áp dụng cho bị cáo Đặng Kiều T là có căn cứ, đúng luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như đã phân tích nêu trên, nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo Đặng Kiều T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; Điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Kiều T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Đặng Kiều T 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đặng Kiều T phải chấp hành

chung cho cả hai tội là 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/11/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đặng Kiều T phải bồi thường cho ông Nguyễn Hồng V số tiền là 144.560.000 đồng, bị cáo đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 008254 ngày 19/7/2021). Do đó, bị cáo Đặng Kiều T còn phải bồi thường tiếp cho ông Nguyễn Hồng V số tiền 114.560.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng bị cáo Đặng Kiều T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 008254 ngày 19/7/2021 để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày ông Nguyễn Hồng V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Đặng Kiều T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bị cáo Đặng Kiều T còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại di động Iphone SX max, Imei 1: 357263097236163, Imei 2: 357263097350733 của bị cáo Đặng Kiều T.

- Tịch thu tiêu hủy đối 01 túi mỹ phẩm.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ theo Quyết định chuyển vật chứng vụ án số 26/QĐ-VKSCL ngày 17/5/2021, Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/7/2021).

- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV của bị cáo Đặng Kiều T

- Trả lại cho bị cáo Đặng Kiều T 01 thẻ căn cước công dân mang tên Đặng Kiều T.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Kiều T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 5.728.000 đồng (Năm triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

5. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- VKSND tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT quận Cẩm Lệ;
- Cơ quan THAHS CA quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Sở tư pháp tp. Đà Nẵng;
- Nhà tạm giữ CA quận Cẩm Lệ;
- Trại tạm giam CA TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyên